

Bản án số: 39/2023/HS-PT  
Ngày: 16/3/2023

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trương Thị Lệ Thu

*Các Thẩm phán:* Bà Trịnh Thị Thiện, Bà Trần Thị Thu Hiền

*Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa:* Ông Trần Tiến Dũng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14 đến 16 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 130/2022/HSPT ngày 14 tháng 10 năm 2022 đối với bị cáo Nguyễn Văn T do có kháng cáo của bị cáo đối với toàn bộ nội dung Bản án hình sự sơ thẩm số 27/2022/HS-ST ngày 05/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hà Tĩnh; Và kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị H, người được ủy quyền ông Nguyễn Tiến V đối với phần nội dung liên quan đến chiếc xe máy biển kiểm soát 38K1 - 43586.

***- Bị cáo kháng cáo:***

Họ và tên: **Nguyễn Văn T**, sinh ngày 07/9/1991 tại xã T, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh. Nơi cư trú: Thôn P, xã T, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh. Trình độ học vấn: 12/12. Nghề nghiệp: Phóng viên; Đảng, đoàn thể: không. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Tiến V, sinh năm 1950 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm, 1961; Anh, chị em ruột có 05 người, bị cáo là con thứ năm trong gia đình; Vợ: Phạm Thị H, sinh năm: 1995; Nghề nghiệp: Giáo viên; Con: có 01 đứa sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/05/2021 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Tĩnh. *(Có mặt tại phiên tòa)*

**Người bào chữa cho bị cáo:**

- Ông Phạm Quang H, ông Nguyễn Mạnh T1 - Luật sư văn phòng Luật sư H thuộc Đoàn Luật sư Hà Nội. Địa chỉ: Số 26 An T, Y, T, Hà Nội *(Có mặt)*

- Ông Phạm Trung K - Luật sư của văn phòng Luật sư K & cộng sự thuộc Đoàn Luật sư Hà Nội. Địa chỉ: Số 03, ngõ 111, T, Đ, Hà Nội. *(Có mặt)*

- Ông Mạc Xuân D – Luật sư của Công ty Luật TNHH WINLEGAL thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội. Địa chỉ: B9, tập thể Học viện hành chính quốc gia, ngõ 193, T, Y, C, Hà Nội. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

***Người bị hại:***

- Anh Bùi Văn L, sinh năm 1984; Nghề nghiệp: Kinh doanh; địa chỉ: Tổ dân phố H, phường H, thị xã Kỳ, tỉnh Hà Tĩnh (có mặt)

***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:***

- Anh Mai Thế C, sinh năm 1982; địa chỉ: Tổ 5, phường T, thành phố P, tỉnh G. Nghề nghiệp: Phóng viên (vắng mặt)

- Anh Trần Doãn H, sinh năm 1986; địa chỉ: Tổ dân phố H, phường H, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Chị Đỗ Thị Thanh L, sinh năm 1992; địa chỉ: Tổ dân phố H, phường H, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Anh Lê Tiến S, sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh. (vắng mặt)

- Chị Đoàn Thị L, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn M, xã S, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt)

- Ông Nguyễn Hồng P, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn M, xã S, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh. (vắng mặt)

- Anh Chu Sơn T, sinh năm 1996; địa chỉ: Thôn S, xã S, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh. (vắng mặt)

- Anh Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1984; địa chỉ: xã Kỳ N, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh; Chức vụ: Trưởng Công an xã S, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh. (vắng mặt)

- Ông Nguyễn Anh N, sinh năm 1972; địa chỉ: thôn S, xã S, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh. (vắng mặt)

- Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 2001; địa chỉ: thôn T, xã K, huyện A, tỉnh Hà Tĩnh. (có mặt)

- Anh Lê Đức C, sinh năm 2002; địa chỉ: Thôn Tiến V, xã T, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh. (vắng mặt)

- Anh Trần Xuân T, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn M, xã K, huyện A, tỉnh Hà Tĩnh. (vắng mặt)

- Chị Phạm Thị H, sinh năm 1995; địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt)

***Người đại diện theo ủy quyền của chị Phạm Thị H:***

- Ông Nguyễn Tiến V, sinh năm 1950, địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh, nghề nghiệp: không; (Có mặt)

***Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Phạm Thị H***

- Luật sư Trần Quốc T - Luật sư của Văn phòng Luật sư P thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội, địa chỉ: Số 16 ngách 97/51 V, phường L, Đ, Hà Nội (có mặt)

***Người làm chứng:***

- Anh Đỗ Ngọc A, sinh năm 1993; địa chỉ: Tổ dân phố H, phường T, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Chị Thái Thị Cẩm N, sinh năm 1992; địa chỉ: Tổ dân phố H, phường T, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh. (vắng mặt)

- Ông Phạm Văn B, sinh năm 1998; địa chỉ: Hiện thi hành án tại Trại giam Công an tỉnh Hà Tĩnh. (vắng mặt)

***Người chứng kiến:***

- Chị Vũ Thị Cẩm L, sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn S, xã K, huyện A, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt)

- Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1988; địa chỉ: xã K, huyện A, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Nhân viên nấu ăn tại Công an huyện A, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt)

- Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1985; địa chỉ: thôn Đ, xã K, huyện A, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt)

- Anh Trần Văn V, sinh năm 1988; địa chỉ: thôn Đ, xã K, huyện A, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt)

- Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1963; địa chỉ: thôn S, xã K, huyện A, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt)

***Điều tra viên:***

- Ông Nguyễn Gia N, chức vụ: Điều tra viên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K, tỉnh Hà Tĩnh (Có mặt);

- Ông Lê Văn C, chức vụ: Cán bộ Phòng cảnh sát hình sự Công an tỉnh Hà Tĩnh (Có mặt).

- Ông Trần Quốc D, chức vụ: Cán bộ Phòng cảnh sát hình sự Công an tỉnh Hà Tĩnh (Có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn T là phóng viên của Tạp chí Môi trường và sức khỏe từ năm 2016, ngoài ra từ năm 2019, T còn cộng tác với anh Mai Thế C (sinh năm 1982, trú tại tổ 5, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai) là phóng viên của Tạp chí điện tử Môi trường và đô thị Việt Nam có văn phòng đại diện tại thành phố Hồ Chí Minh. T thường xuyên tìm kiếm, thu thập các thông tin trên nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội và cung cấp cho anh Mai Thế C và cùng hoàn thiện bài viết để đăng lên Tạp chí Môi trường và đô thị Việt Nam với bút danh “Hà T”, đây là

thỏa thuận riêng giữa Nguyễn Văn T và anh Mai Thế C. T không thuộc biên chế của Tạp chí Môi trường và đô thị Việt Nam.

Khoảng đầu tháng 4 năm 2021, Nguyễn Văn T nhận được thông tin phản ánh của người dân về việc tại khu vực rừng (ở xã K, huyện A, tỉnh Hà Tĩnh) do anh Bùi Văn L (là Giám đốc Hợp tác xã khu sinh thái nông nghiệp K) quản lý, khai thác, sử dụng có dấu hiệu bị chặt phá để mở đường, đào ao. Từ đó, T nảy sinh ý định thu thập thông tin để viết bài phản ánh những nội dung trên nhằm gây áp lực với anh Bùi Văn L để chiếm đoạt tài sản. Sau đó, T đến khu vực rừng nói trên dùng điện thoại ghi lại hình ảnh phản ánh về các việc làm của Hợp tác xã khu sinh thái K mà T cho là có dấu hiệu sai phạm. Đồng thời, T đến Ủy ban nhân dân xã S gặp ông Nguyễn Anh N là Chủ tịch xã S, huyện Kỳ Anh để tìm hiểu các nội dung liên quan. Sau đó, T đã gửi các hình ảnh và thông tin mà T thu thập được cho anh Mai Thế C. Anh Mai Thế C sau khi xin ý kiến của ông Lê H - Trưởng văn phòng đại diện Tạp chí điện tử Môi trường và đô thị Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh cho viết bài phản ánh về các việc làm có dấu hiệu sai phạm của Hợp tác xã khu sinh thái Khe Xai K thì được ông Lê H đồng ý. Sau khi được ông Lê H đồng ý, anh C đã dựa vào các thông tin, hình ảnh mà T cung cấp để viết bài báo với tựa đề “*Hà Tĩnh: Rừng phòng hộ bị bức tử*” (bài 1) đăng lên trang báo điện tử của Tạp chí điện tử Môi trường và đô thị Việt Nam vào ngày 20/4/2021 với bút danh nhóm tác giả “Hà T - Nguyễn C” thực hiện. Sau khi bài báo đăng lên, Nguyễn Văn T đã gửi đường link bài báo trên cho nhiều vị lãnh đạo cơ quan chức năng như: lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm tỉnh Hà Tĩnh, Hạt trưởng hạt Kiểm lâm huyện K, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện K nhằm mục đích lợi dụng chức năng kiểm tra, xác minh của các cơ quan này gây áp lực đến anh Bùi Văn L. Khi bài báo được đăng tải, các cơ quan chức năng đã tiến hành kiểm tra, xác minh làm cho anh Bùi Văn L lo lắng, sợ bị ảnh hưởng đến uy tín và công việc thi công của Hợp tác xã nên anh L đã gọi điện thoại đề nghị T gỡ bài báo vì có những thông tin trong bài báo phản ánh không chính xác nhưng T không đồng ý và nói sẽ tiếp tục cho ra loạt bài mới nối tiếp kỳ 1 của bài báo. Do lo sợ các bài báo sẽ gây mất uy tín và thiệt hại về kinh tế cho Hợp tác xã nên anh L hẹn gặp T tại nhà hàng H ở thôn S, xã S, huyện K để xin gỡ bài đã đăng và không viết bài thứ hai nữa nhưng T nói không giải quyết được. Lúc này, anh L sợ T viết bài tiếp nên đã chủ động đưa cho T 5.000.000 đồng, T nhận tiền và đồng ý không viết bài thứ hai hoặc có viết thì sẽ không viết về Hợp tác xã K do anh Bùi Văn L làm giám đốc.

Đến khoảng đầu tháng 5/2021, sau khi có kết quả giải quyết của các cơ quan chức năng về nội dung bài báo thứ 1, nhưng Nguyễn Văn T vẫn tiếp tục thu thập thông tin, hình ảnh để viết tiếp bài thứ hai. Sau khi thu thập xong thông tin và hình ảnh thì T tiếp tục gửi các hình ảnh và thông tin này cho anh Chiến, anh

Chiến đã dựa vào các thông tin, hình ảnh do T gửi để viết tiếp bài thứ hai có tựa đề “*Hà Tĩnh: Rừng phòng hộ bị bức tử*” (bài 2) đăng lên trang báo điện tử của Tạp chí điện tử Môi trường và đô thị Việt Nam vào ngày 17/5/2021, lấy bút danh nhóm tác giả “Hà T - Nguyễn C” thực hiện. Khi bài thứ hai được đăng tải, T tiếp tục gửi link cho các cá nhân là lãnh đạo các cơ quan chức năng nhằm mục đích để các cơ quan chức năng tiến hành kiểm tra, xác minh các nội dung mà bài báo đã phản ánh. Nhận thấy các bài viết trên đã phản ánh nhiều nội dung không đúng làm ảnh hưởng tới uy tín, thương hiệu của hợp tác xã, mặt khác sau khi hai bài báo được đăng tải đã có nhiều đoàn thanh tra, kiểm tra, xác minh sự việc làm cho anh Bùi Văn L rất hoang mang, lo lắng, ảnh hưởng đến công việc của hợp tác xã nên anh L đã nhiều lần gọi điện thoại và gặp trực tiếp T yêu cầu T gỡ bài đã viết và không viết thêm các bài viết khác làm ảnh hưởng tới uy tín của hợp tác xã. Lúc này, T tiếp tục gây áp lực cho anh L bằng cách nói không quyết định được, phải xin ý kiến của tòa soạn, của anh Lê H và anh Mai Thế C mới quyết định được (trong thực tế T không xin ý kiến của ai về việc này). Trong thời gian chờ liên lạc từ anh Bùi Văn L để xử lý việc viết bài báo liên quan đến hợp tác xã sinh thái K nhưng không thấy nên đến sáng ngày 26/5/2021, Nguyễn Văn T sử dụng tài khoản Facebook của mình có tên “Văn T” chia sẻ bài viết thứ hai công khai trên mạng xã hội, đồng thời thể hiện sẽ tiếp tục viết bài thứ ba nhằm gây áp lực cho anh Bùi Văn L để chiếm đoạt tài sản của anh L. Thấy T đăng lên Facebook như vậy anh L rất lo lắng, hoang mang nên đã gọi điện xin gặp T để yêu cầu T không viết tiếp bài thứ ba. Đến chiều cùng ngày, L và T gặp nhau tại nhà hàng H thuộc xã K, huyện A, tỉnh Hà Tĩnh. Tại đây, anh Bùi Văn L xin Nguyễn Văn T không viết tiếp bài thứ ba nữa thì T yêu cầu anh L đưa cho T 80.000.000 đồng nhưng anh L xin giảm xuống thì T đồng ý giảm xuống 70.000.000 đồng để T gỡ các bài viết trước và không đăng bài viết tiếp theo. Mặc dù số tiền T yêu cầu rất lớn nhưng vì lo sợ T viết tiếp bài thứ ba thì sẽ gây mất uy tín và thiệt hại về kinh tế cho hợp tác xã nên anh L buộc phải chấp nhận đưa cho T số tiền trên. Đến chiều ngày 28/5/2021, anh L và T gặp nhau tại quán cà phê Thức thuộc thôn S, xã K, huyện A tại đây T đã gọi điện cho anh Mai Thế C nói về việc anh L chi cho T và cơ quan 70.000.000 đồng để xin không viết tiếp bài thứ ba, anh C nói việc này do T tự quyết định, anh C không quyết định được và không liên quan. Sau khi gọi điện cho C xong thì T nói với anh L, việc không viết bài nữa T đã xin ý kiến anh Mai Thế C và anh Lê H, các anh ấy đã đồng ý và T yêu cầu anh L đưa tiền cho T luôn. Tuy nhiên, do anh L chưa chuẩn bị đủ tiền nên T yêu cầu anh L đưa cho T ít tiền trước thì anh L đưa cho T số tiền 2.000.000 đồng và hẹn lần sau gặp nhau để giải quyết dứt điểm.

Đến khoảng 10 giờ 30 phút ngày 30/5/2021, T điều khiển xe mô tô BKS 38K1 - 43586 đến gặp L tại quán cà phê “Thức” ở xã K, huyện A để nhận số tiền

68.000.000 đồng còn lại. Tại đây, anh L đưa cho T 68.000.000đ được đựng trong một túi ni lông màu xanh, T nhận tiền và bỏ vào túi quần bỏ phía trước bên phải mà T đang mặc rồi cảm ơn anh L, T bảo anh L yên tâm. Sau đó, hai người ra về, khi T đi ra đến cửa quán cà phê thì bị tổ công tác của Công an huyện A, tỉnh Hà Tĩnh phát hiện bắt quả tang. Quá trình bắt giữ trong lúc giằng co T đã dùng tay phải của mình móc túi ni lông đựng số tiền 68.000.000 đồng trong người vứt vào gốc cây Sung trước cửa quán cà phê. Tổ công tác Công an huyện A đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Nguyễn Văn T và thu giữ các vật chứng có liên quan.

Với hành vi phạm tội trên, tại Bản án số 27/2022/HS-ST ngày 05/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Hà Tĩnh đã quyết định:

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 170; khoản 2 Điều 51, Điều 38, các điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106; Điều 331, khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 357, Điều 468, Điều 584, Điều 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự; Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23, khoản 1 Điều 26, khoản 1 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án kèm theo.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”.

Về hình phạt chính: xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 05 năm 6 tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30/5/2021.

Về hình phạt bổ sung: xử phạt Nguyễn Văn T 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng)

Về xử lý vật chứng: Trả lại cho anh Bùi Văn L số tiền 68.000.000đ (sáu mươi tám triệu đồng); 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax, số IMEL 353776398564425, có gắn sim số 0932372266.

Trả lại cho chị Phạm Thị H 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A21Scó số Imeil: 3516.626.1126.7784; số Imeil 2: 352465211267785, gắn các sim số 0973.301.712 và 0397.982695.

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu đen, số IMEL 358860/08/186558/1

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước ½ giá trị chiếc xe mô tô biển kiểm soát 38K1-435.86 và trả lại cho chị Phạm Thị H ½ giá trị chiếc xe tại thời điểm định giá do Chi cục THADS huyện A thực hiện.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T 01 Giấy phép lái xe số 402148008649, mang tên Nguyễn Văn T, hạng A1, 01 thẻ Mastercard FE CREDIT số 5391460024163927 màu xanh trắng; 01 giấy chứng minh nhân dân số 184004032 mang tên Nguyễn Văn T (sinh ngày 07/9/1991, trú tại K, A, Hà Tĩnh), cấp ngày 15/12/2009; 01 thẻ phóng viên của Tạp chí Môi trường và sức khỏe số 0536 mang

tên Nguyễn Văn T (sinh năm 1991), bút danh Hà T, 01 thẻ phóng viên của Tạp chí Môi trường và sức khỏe số 129 mang tên Nguyễn Văn T (sinh năm 1991), bút danh Hà T.

Tịch thu tiêu hủy 01 túi ni lông màu xanh da trời, bên ngoài có in dòng chữ Yến sào Khánh Hòa; 01 phong bì thư bên ngoài in chữ Công ty CP TVXD quản lý môi trường đô thị K.

Đặc điểm vật chứng có tại biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra và Chi cục Thi hành án dân sự huyện A .

*Về dân sự:* Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải bồi thường cho anh Bùi Văn L số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng)

Án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Trong hạn luật định, ngày 05/9/2022 bị cáo Nguyễn Văn T có đơn kháng cáo đối với toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm và kêu oan cho rằng mình không phạm tội Cường đoạt tài sản.

Cùng ngày 05/9/2022, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị H và người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Tiến V kháng cáo phần nội dung liên quan đến chiếc xe mô tô biển kiểm soát 38K1 – 43586.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội, bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và người được ủy quyền vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm.

Các luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T tranh luận những nội dung có liên quan tương tự như nội dung đã trình bày tại cấp sơ thẩm gồm các nội dung cụ thể sau:

- *Về thủ tục tố tụng:*

Biên bản bắt người phạm tội quả tang còn mâu thuẫn, cần phải thực nghiệm điều tra. Việc sao lưu dữ liệu điện tử từ điện thoại iphone 12 Promax của bị hại không có chứng kiến của bị cáo là không đúng quy định của pháp luật; Việc thu thập bản dịch 17 file ghi âm bằng cách cắt xén đưa ra những ý chính để buộc tội T là hết sức phiến diện không mang tính khách quan; Nội dung ghi âm các cuộc hội thoại của L và T chưa được cơ quan giám định dịch ra tiếng việt, vi phạm Điều 107 Bộ luật Tố tụng hình sự; Kết luận giám định chưa làm rõ có hay không có hành vi đe dọa hoặc dấu hiện khác; Việc kiểm tra đánh giá chứng cứ chưa đầy đủ theo quy định tại Điều 108 Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án không tuân thủ quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về việc thông báo kết luận giám định.

Luật sư và bị cáo cho rằng trong quá trình điều tra bị cáo bị bức cung, nhục hình; không tiến hành trích xuất Camera trong 09 ngày bị cáo bị tạm giữ để xem

có bị bức cung hay không. Vì vậy, cần trích xuất Camera trong 09 ngày bị cáo bị tạm giữ để làm rõ.

Vi phạm trong việc bảo quản vật chứng (*Toàn bộ số tiền 68 triệu đồng được chuyển vào kho bạc là vi phạm điểm b khoản 1 Điều 90 Bộ luật Tố tụng hình sự; trong đó có 02 tờ tiền có chữ ký của anh Trần Doãn H đề nghị xem xét tại phiên tòa nhưng không được Hội đồng xét xử chấp thuận; Viện kiểm sát đề nghị trả lại số tiền 68 triệu đồng này cho bị hại là không đúng quy định vì đây là vật chứng cần phải tịch thu sung quỹ nhà nước. Vì vậy, cần làm rõ 02 tờ tiền này đang ở đâu, giám định chữ ký của anh Trần Doãn H trên tờ tiền*).

Bản kết luận điều tra, cáo trạng, quyết định đưa vụ án ra xét xử được ban hành khi chưa có kết luận giám định là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Quá trình xét xử của Hội đồng xét xử có một số vi phạm như đưa 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax ra xem xét tại phiên tòa nhưng không công khai số IMEI của máy, chỉ cho bị hại nhận dạng máy nhưng không kích hoạt máy để xem xét dữ liệu thì trích xuất vật chứng có như không. Không đưa 01 túi ni lông màu xanh da trời, bên ngoài có in dòng chữ Yến sào Khánh Hòa; 01 phong bì thư bên ngoài in chữ Công ty CPTVXD quản lý môi trường đô thị A; 136 tờ tiền mệnh giá 500.000đ ra xem xét tại phiên tòa là vi phạm Điều 307, Điều 312 Bộ luật Tố tụng hình sự. Đồng thời đề nghị giám định các dấu vân tay trên bao ni lông màu xanh đựng số tiền 68.000.000đ.

- *Về hành vi phạm tội:* Bị cáo và Luật sư tranh luận Bản Kết luận điều tra, bản cáo trạng, luận tội buộc bị cáo có hành vi đe dọa hoặc thủ đoạn khác uy hiếp anh L để cưỡng đoạt tài sản là không có căn cứ; tài liệu chứng cứ đã thu thập không đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Luật sư cho rằng có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm, cụ thể khi bài báo đưa lên anh L không báo cơ quan pháp luật mà lại dùng tiền giải quyết, việc dùng tiền để giải quyết là hành vi tiêu cực. Hành vi này do ai xúi dục thúc anh L gài bẫy bị cáo T.

Do đó, các luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị HĐXX tuyên hủy án sơ thẩm để điều tra xét xử lại vì các vi phạm nói trên không thể giải quyết tại phiên tòa phúc thẩm.

Bị cáo Nguyễn Văn T đồng tình với quan điểm tranh luận của các luật sư bào chữa và đề nghị HĐXX công tâm khách quan vì bị cáo không phạm tội Cưỡng đoạt tài sản, đề nghị HĐXX tuyên thả bị cáo hoặc chưa có cơ sở thì tuyên trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

Người bị hại anh Bùi Văn L tranh luận: Đồng ý với quan điểm luận tội của vị đại diện Viện kiểm sát về hình sự, về dân sự giữ nguyên yêu cầu buộc bị cáo phải bồi thường số tiền 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*)

Ông Nguyễn Tiến V– người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị H và Luật sư Nguyễn Quốc T người bảo vệ



cho chị Phạm Thị H tranh luận nội dung chiếc xe mô tô BKS 38K1-435.86 chỉ là phương tiện giao thông đơn thuần không liên quan gì đến hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Văn T do đó đề nghị trả lại cho chị Phạm Thị H chiếc xe mô tô mà cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ từ bị cáo Nguyễn Văn T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi trình bày đối đáp tranh luận lại quan điểm các luật sư bào chữa và bị cáo về những nội dung nêu trên đã khẳng định: Việc điều tra, thu thập chứng cứ để chứng minh đối với vụ án được các cơ quan tiến hành tố tụng thu thập đầy đủ có tại hồ sơ vụ án, đảm bảo tính khách quan, đúng trình tự, thủ tục quy định tại điểm d khoản 1 Điều 245 và điểm d khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng hình sự, phù hợp với quy định tại các Điều 85, 86, 87, 88 và 441 BLTTHS; Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của CQĐT, ĐTV, Viện kiểm sát, KSV trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của BLTTHS; Chứng cứ để chứng minh đối với vụ án đã được thu thập trong quá trình điều tra, truy tố đã được đưa vào hồ sơ vụ án đầy đủ trước khi mở phiên tòa xét xử; Không có căn cứ để xác định có việc bức cung, nhục hình trong quá trình tiến hành tố tụng làm cho lời khai của bị cáo không đúng sự thật; Không có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm, hành vi của người phạm tội.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ khác thu thập được có tại hồ sơ vụ án và kết quả xét xử công khai tại phiên tòa, có đủ cơ sở để kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T đủ các yếu tố cấu thành tội "*Cưỡng đoạt tài sản*" theo quy định tại điểm d, khoản 2, Điều 170 Bộ Luật hình sự năm 2015. Việc khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử bị cáo Nguyễn Văn T về tội "*Cưỡng đoạt tài sản*" quy định tại điểm d, khoản 2, Điều 170 Bộ Luật hình sự năm 2015, với tình tiết định khung "*chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng*" là hoàn toàn chính xác, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu JANUS màu trắng, BKS 38K1 - 435.86 là tài sản chung vợ chồng trong quá trình hôn nhân giữa bị cáo T và chị Phạm Thị H, bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, căn cứ điều 33 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS, điểm a khoản 2 điều 106 BLTTHS đề nghị tịch thu nộp ngân sách nhà nước ½ giá trị chiếc mô tô BKS 38K1-435.86, trả lại cho chị Phạm Thị H ½ giá trị chiếc xe tại thời điểm định giá do Chi cục THADS huyện A thực hiện là phù hợp đúng quy định pháp luật.

Do đó, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận nội dung đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T, kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị H và người đại diện theo ủy quyền ông

Nguyễn Tiến V giữ nguyên quyết định Bản án hình sự sơ thẩm số 27/2022/HS-ST ngày 05/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Hà Tĩnh.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người được ủy quyền là hợp lệ nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm bị cáo, luật sư bào chữa cho bị cáo có nhiều ý kiến khiếu nại như đã trình bày tại phần nội dung vụ án, tất cả những ý kiến khiếu nại đó đã được Hội đồng xét xử làm rõ qua quá trình tranh luận công khai tại phiên tòa phúc thẩm. Khi ban hành kết luận điều tra, nhưng cơ quan điều tra huyện A vẫn chưa gửi kết quả giám định bổ sung và đĩa DVD-R chứa 17 file ghi âm là chứng cứ phạm tội của Nguyễn Văn T kèm theo hồ sơ vụ án. Đây là thiếu sót về tố tụng, nhưng sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử của Tòa án, thì Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát nhân dân huyện A đã gửi kết quả thông báo kết luận giám định và đĩa DVD-R chứa 17 file ghi âm cho HĐXX sơ thẩm và HĐXX sơ thẩm đã thông báo cho bị cáo, những người tham gia tố tụng khác biết kết quả kết luận giám định này, cho nên thiếu sót của Cơ quan điều tra công an huyện A và Viện kiểm sát nhân dân huyện A đã được Hội đồng xét xử sơ thẩm khắc phục. Do đó, không có cơ sở để cấp phúc thẩm hủy án như đề nghị của bị cáo và các luật sư.

Tại cấp phúc thẩm các luật sư bào chữa cho bị cáo tiếp tục khiếu nại về việc HĐXX không đưa vật chứng xem xét công khai tại phiên tòa, không triệu tập người làm chứng, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến phiên tòa. Về vấn đề này đã được đối đáp công khai tại phiên tòa. Xét hành vi phạm tội Cường đoạt tài sản của bị cáo Nguyễn Văn T có cấu thành hình thức, không phải là cấu thành vật chất. Vật chứng của vụ án đã được xem xét đánh giá khách quan toàn diện và đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, HĐXX xét thấy không cần thiết phải trích xuất toàn bộ vật chứng là phù hợp với quy định tại Điều 307 và Điều 312 Bộ luật Tố tụng hình sự. HĐXX chỉ trích xuất vật chứng là: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax (IMEI 353.776.389.564.425) có gắn sim 0932372266 của bị hại Bùi Văn L song không tiến hành mở điện thoại ra xem xét tại phiên tòa và đã giải thích cho bị cáo và những người tham gia tố tụng về quy định của BLTTHS đối với dữ liệu điện tử có tại điện thoại của người bị hại Bùi Văn L đã được cơ quan điều tra thu thập bảo quản thực hiện việc chuyển hóa dữ liệu và giám định đúng quy định tại Điều 107, Điều 196

BLTTHS, do vậy khiếu nại của bị cáo cũng như các luật sư bào chữa cho bị cáo và người liên quan là không có cơ sở chấp nhận.

[3] Về nội dung: Bị cáo Nguyễn Văn T kêu oan và trình bày mình không ép buộc hay có bất kỳ hành vi, lời nói nào cưỡng ép, dọa dẫm để buộc người bị hại đưa cho bị cáo số tiền 68.000.000đ như bản án sơ thẩm đã tuyên. Tuy nhiên, trên cơ sở các bản khai nhận tội của bị cáo tại các BL 195-199, 201-205, 207-208 hồ sơ vụ án, phù hợp lời khai của người bị hại Bùi Văn L, người làm chứng Vũ Thị C, Đỗ Ngọc A, phù hợp lời khai của người liên quan Mai Thế C, đối chiếu với kết quả thẩm vấn công khai và phần tranh tụng tại phiên tòa, các chứng cứ khác có tại hồ sơ đặc biệt các bản file ghi âm từ điện thoại của người bị hại Bùi Văn L có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 20/4/2021 đến ngày 30/5/2021, lợi dụng các bài viết “*Hà Tĩnh: Rừng phòng hộ bị bức tử*” (bài 1,2) được đăng trên trang điện tử của Tạp chí Môi trường và đô thị Việt Nam do Mai Thế C và Hà T đồng tác giả, nội dung các bài báo đề cập đến Hợp tác xã môi trường K do anh Bùi Văn L làm giám đốc. Sau khi các bài báo được đăng tải Nguyễn Văn T đã nhiều lần gửi các bài báo này cho một số lãnh đạo huyện A và xã K nhằm mục đích gây áp lực cho anh Bùi Văn L. Do lo sợ các bài báo sẽ làm ảnh hưởng đến uy tín, danh dự, thiệt hại về kinh tế của Hợp tác xã K do mình làm Giám đốc nên anh Bùi Văn L đã liên lạc đề nghị Nguyễn Văn T gỡ bài và không đăng thêm các bài viết khác nữa, tuy nhiên Nguyễn Văn T đã yêu cầu anh Bùi Văn L nếu muốn không viết tiếp bài 3 và gỡ các bài trước xuống thì anh L phải đưa cho Nguyễn Văn T số tiền 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng). Ngày 28/5/2021, do chưa đủ tiền nhưng theo yêu cầu của T, anh L đã đưa trước cho T số tiền 2.000.000 đồng. Đến khoảng 10 giờ 30 phút ngày 30/5/2021, tại quán cà phê Thức xã K, huyện A, Bùi Văn L đưa tiếp cho Nguyễn Văn T số tiền 68.000.000 đồng còn thiếu. Sau khi Nguyễn Văn T vừa chiếm đoạt được số tiền 68.000.000 đồng thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện A phát hiện bắt quả tang và thu giữ tại hiện trường số tiền 68.000.000 đồng và các vật chứng có liên quan. Bị cáo Nguyễn Văn T có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Do đó, hành vi của bị cáo đã đủ cơ sở cấu thành tội “*Cưỡng đoạt đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự. Vì vậy, có đủ cơ sở kết luận Bản án hình sự sơ thẩm số 27/2022/HS-ST ngày 05/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Hà Tĩnh là đúng người, đúng tội, có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Xét về hành vi, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nội dung kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T thấy rằng: Trong vụ án này, Nguyễn Văn T có hành vi lợi dụng sự ảnh hưởng của mình và các bài báo viết “*Hà Tĩnh: Rừng phòng hộ bị bức tử*” của nhóm tác giả Mai C – Hà T đăng trên báo điện tử Môi trường và đô thị Việt Nam. Đây là hành vi dùng thủ đoạn

khác của Nguyễn Văn T gián tiếp đe dọa đối với người bị hại nhằm chiếm đoạt tài sản của người bị hại Bùi Văn L. Mặc dù trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn T liên tục thay đổi lời khai và không thừa nhận hành vi phạm tội của mình, tuy nhiên với các tài liệu chứng cứ đã thu thập được khẳng định việc truy tố và xét xử bị cáo Nguyễn Văn T về tội Cường đoạt tài sản theo quy định tại Điều 170 của Bộ luật Hình sự là hoàn toàn chính xác, đúng người, đúng tội, không oan sai. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác, gây mất trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo Nguyễn Văn T đã chiếm đoạt được của anh Bùi Văn L số tiền 2.000.000đ, còn số tiền 68.000.000đ sau khi T nhận thì bị bắt quả tang. Hành vi chiếm đoạt số tiền 70.000.000đ của bị cáo Nguyễn Văn T là tình tiết định khung tăng nặng được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 170 của Bộ luật Hình sự. Đối với số tiền 5.000.000đ mà Cáo trạng số 43/CT-VKSKA ngày 27/10/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Hà Tĩnh truy tố là số tiền mà bị cáo Nguyễn Văn T chiếm đoạt của anh Bùi Văn L, quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa không làm rõ được các chứng cứ chứng minh. Do đó, không đủ căn cứ để kết luận đối với hành vi chiếm đoạt số tiền 5.000.000đ này và không áp dụng tình tiết tăng nặng “phạm tội 02 lần trở lên” đối với bị cáo.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Mặc dù trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nhưng bị cáo có bố đẻ là người có công với cách mạng (được nhà nước tặng Huân chương chiến sỹ vẻ vang năm 1987, được Bộ tư lệnh Sư đoàn 341 tặng bằng khen năm 1976, được Trường hạ sỹ quan quân đoàn 4 tặng bằng khen năm 1982, được Bộ tư lệnh Quân đoàn 4 tặng bằng khen năm 1986). Cấp sơ thẩm đã xem xét cân nhắc xét xử bị cáo mức án 05 năm 06 tháng tù là phù hợp với tính chất mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo. Tại cấp phúc thẩm bị cáo không xuất trình tình tiết gì mới, mức hình phạt mà cấp sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo như vậy là phù hợp đã xem xét, chiếu cố và áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo do đó cần giữ nguyên mức án sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo.

[3] Về hình phạt bổ sung: Cấp sơ thẩm tuyên mức phạt bổ sung 20.000.000 là hoàn toàn phù hợp.

[4] Về dân sự: Bị hại Bùi Văn L yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn T phải bồi thường số tiền là 75.000.000đ (bảy mươi lăm triệu đồng), Hội đồng xét xử thấy rằng việc yêu cầu bồi thường là chính đáng và hợp lý, tuy nhiên đối với số tiền 70.000.000 (bảy mươi triệu đồng) là có đầy đủ chứng cứ để chứng minh, còn lại 5.000.000đ (năm triệu đồng) không đủ căn cứ, mặt khác trong 70.000.000đ thì có 68.000.000đ (sáu mươi tám triệu đồng) đã thu giữ được trong quá trình điều

tra hiện đang tạm giữ theo quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử tuyên trả lại cho bị hại số tiền này, còn lại 2.000.000đ bị cáo T đã chiếm đoạt và tiêu xài cá nhân do đó bị cáo T phải có nghĩa vụ bồi thường cho anh L số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng).

[5] Đối với kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị H và người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Tiến V kháng cáo phần nội dung liên quan đến chiếc xe mô tô nhãn hiệu JANUS màu trắng, biển kiểm soát 38K1-435.86. Hội đồng xét xử, xét thấy đây là tài sản chung của vợ chồng anh Nguyễn Văn T và chị Phạm Thị H. Nhưng đây là chiếc xe bị cáo dùng để thực hiện hành vi phạm tội của mình do đó căn cứ Điều 33 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự, cấp sơ thẩm tuyên tịch thu nộp ngân sách nhà nước  $\frac{1}{2}$  giá trị chiếc xe mô tô biển kiểm soát 38K1 - 435.86 và trả lại cho chị Phạm Thị H  $\frac{1}{2}$  giá trị chiếc xe tại thời điểm định giá do Chi cục THADS huyện A thực hiện là có căn cứ. Do đó, kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị H và người được ủy quyền ông Nguyễn Tiến V là không có cơ sở nên không được chấp nhận xem xét.

[6] Đối với anh Mai Thế C là người đã trực tiếp viết các bài báo “*Hà Tĩnh: Rừng phòng hộ bị bức tử*”, (bài 1,2) đăng trên báo điện tử của Tạp chí điện tử Môi trường và đô thị Việt Nam, quá trình điều tra xác định: Việc anh Mai Thế C đưa thêm bút danh “Hà T” vào 2 bài báo “*Hà Tĩnh- Rừng phòng hộ bị bức tử*” là do anh C tự ý thực hiện, không thông qua Tạp chí Môi trường và đô Thị Việt Nam. Việc uy hiếp đe dọa anh Bùi Văn L để chiếm đoạt tài sản do Nguyễn Văn T độc lập thực hiện không có sự bàn bạc thống nhất với anh Mai Thế C, mặt khác anh Mai Thế C cũng không hưởng lợi gì từ tài sản Nguyễn Văn T chiếm đoạt được của anh Bùi Văn L nên không có căn cứ để kết luận hành vi của Mai Thế C đồng phạm với Nguyễn Văn T về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” quy định tại Điều 170 Bộ luật hình sự.

[7] Về vật chứng: Đã được cấp sơ thẩm xem xét đầy đủ, xử lý phù hợp quy định pháp luật, cấp phúc thẩm không xem xét gì thêm.

[8] Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị H và người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Tiến V kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

***Vì các lẽ trên;***

### **QUYẾT ĐỊNH**

[1] Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự. Không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị H và người đại diện theo ủy quyền ông

Nguyễn Tiến V, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 27/2022/HS-ST ngày 05/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

[2] Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”.

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 170; khoản 2 Điều 51, Điều 38, các điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a, b khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106; Điều 331, khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 357, Điều 468, Điều 584, Điều 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự. Khoản 1 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23, khoản 1 Điều 26, khoản 1 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án kèm theo.

*Về hình phạt chính:* xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T **05** (năm) năm **06** (sáu) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30/5/2021.

*Về hình phạt bổ sung:* xử phạt Nguyễn Văn T 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng)

*Về xử lý vật chứng:* Trả lại cho anh Bùi Văn L số tiền 68.000.000đ (sáu mươi tám triệu đồng); 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax, số IMEL 353776398564425, có gắn sim số 0932372266.

Trả lại cho chị Phạm Thị H 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung A21Scó số Imeil: 3516.626.1126.7784; số Imeil 2: 352465211267785, gắn các sim số 0973.301.712 và 0397.982695.

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu đen, số IMEL 358860/08/186558/1

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước ½ giá trị chiếc xemô tô biển kiểm soát 38K1-435.86 và trả lại cho chị Phạm Thị H ½ giá trị chiếc xe tại thời điểm định giá do Chi cục THADS huyện A thực hiện.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T 01 Giấy phép lái xe số 402148008649, mang tên Nguyễn Văn T, hạng A1, 01 thẻ Mastercard FE CREDIT số 5391460024163927 màu xanh trắng; 01 giấy chứng minh nhân dân số 184004032 mang tên Nguyễn Văn T (sinh ngày 07/9/1991, trú tại K, A, Hà Tĩnh), cấp ngày 15/12/2009; 01 thẻ phóng viên của Tạp chí Môi trường và sức khỏe số 0536 mang tên Nguyễn Văn T (sinh năm 1991), bút danh Hà T, 01 thẻ phóng viên của Tạp chí Môi trường và sức khỏe số 129 mang tên Nguyễn Văn T (sinh năm 1991), bút danh Hà T.

Tịch thu tiêu hủy 01 túi ni lông màu xanh da trời, bên ngoài có in dòng chữ Yến sào Khánh Hòa; 01 phòng bì thư bên ngoài in chữ Công ty CP TVXD quản lý môi trường đô thị A.

Đặc điểm vật chứng có tại biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra và Chi cục Thi hành án dân sự huyện A .

*Về dân sự:* Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải bồi thường cho anh Bùi Văn L số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng)

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án. Trường hợp Nguyễn Văn T chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho anh Bùi Văn L thì phải chịu lãi đối với phần nghĩa vụ chậm thực hiện theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

Khi án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[3] *Về án phí sơ thẩm:* Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm, 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự phúc thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị H phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận :**

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Tĩnh;
- PV 27 – Công an tỉnh Hà Tĩnh;
- TAND,CA,VKS,THA sơ thẩm;
- Người TGTT;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Trương Thị Lệ Thu**





**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**

**Các thẩm phán**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Bích Đào**

**Trần Thị Thu Hiền**

**Trương Thị Lệ Thu**